TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 311/2017/DS-PT
Ngày 27 - 11 - 2017
V/v tranh chấp về dân sự -
Quyền sử dụng đất và BTTH
do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Xuân Nữ, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp***: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27/11/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLPT- DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "V/v Tranh chấp về dân sự – Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Kim N, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp T, xã H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: 1.Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Võ Thị B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: tổ 12, ấp T, xã H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bèo: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 (Văn bản ủy quyền vào ngày 13/7/2017) có mặt.

3.Võ Ngọc M (C), sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp T, xã H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện vào ngày 23/5/2017 của bà Trần Thị Kim N, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà N trình bày:

Bà N có phần đất và căn nhà tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn gốc đất và nhà là của mẹ bà N là bà Nguyễn Thị L1 (đã chết) để lại cho bà N. Đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở đã mục nát do mẹ bà N xây cất tạm bợ và xây từ nhiều năm về trước. Vào năm 2000, bà N tiến hành tu sửa nhà cửa, nhưng cũng là nhà ở tạm bợ, nhà gỗ, vách tol. Sau khi tu sửa, bà N không ở tại căn nhà đó vì hoàn cảnh phải đi làm ăn xa. Khi bà N không ở nhà, ông Nguyễn Văn L cùng ông Nguyễn Văn H ngang nhiên làm cống dưới sàn nhà của bà, đặt máy chạy đường nước cho các hộ dân để kinh doanh cá nhân.

Do việc đặt cống dưới sàn nhà đã gây sạt lở trên đất, bà N đã nhiều lần nói với ông L, ông H phải di dời phần cống cùng đường nước, máy móc qua phần đất của ông H, đồng thời phải khắc phục sạt lở trên đất để bà N tiến hành xây cất nhà cửa cho đàng hoàng. Ông L và ông H thừa nhận việc đặt đường nước, hứa sẽ thực hiện việc di dời và khắc phục hậu quả nhưng vẫn không thực hiện trong suốt nhiều năm. Đến năm 2014, bà N không thể tự thỏa thuận cùng ông H và ông L được nữa nên bà đã gửi đơn đến chính quyền địa phương nhờ can thiệp. Ủy ban nhân dân xã H đã tiến hành hòa giải vào ngày 06/9/2014. Tại buổi hòa giải, ông L và ông H thống nhất di dời đường nước và khắc phục sạt lở trên đất của bà N. Nhưng ông H và ông L vẫn không thực hiện theo sự thỏa thuận tại buổi hòa giải. Đến ngày 08/9/2016, Ủy ban nhân dân xã H lại tiếp tục mời hòa giải lần 2, ông L và ông H không thống nhất khắc phục sạt lở nhưng hứa sẽ di dời đường ống. Cho đến nay, ông L và ông H vẫn không thực hiện việc di dời, hành vi của hai ông là cố ý không muốn di dời, chiếm dụng đất của bà N.

Trước đây, bà N yêu cầu ông H và ông L di dời đường nước, máy móc và toàn bộ đồ vật chạy nước ra khỏi phần đất nhà ở của bà để trả lại cho bà diện tích đất là 108m^2. Nay qua xem xét, thẩm định thực tế của Tòa án, với phần ống nước chiều ngang 0,5m và chiều dài 18m, bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H di dời đường nước, máy móc và toàn bộ đồ vật chạy nước ra khỏi phần đất nhà ở của bà N để trả lại đất cho bà diện tích ngang 0,5m, dài 18m = 09m^2. Phần tranh chấp này thuộc một phần thửa 1183, tờ bản đồ 02, tại ấp T, xã H, thị xã H, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Đồng thời, bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng do đường nước ông H và ông L chạy làm sạt lở một phần đất nền nhà của bà N. Do bà N phải kêu xe đổ đất của ông Nguyễn Văn T2 để đổ 100 xe đất lên nền nhà của bà, mỗi xe có giá trị là 100.000 đồng.

Do ông L và ông H tự nguyện di dời toàn bộ máy móc, trụ bơm nước ra khỏi phần đất của bà, còn đường ống nhựa và ống bê tông thì các ông tự nguyện bỏ luôn không sử dụng nữa, trả phần đất lại cho bà sử dụng nên bà N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông L và ông H đối với việc di dời đường ống nước.

Nay bà N chỉ yêu cầu ông L và ông H liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng do đường nước hai ông chạy sạt lở nền nhà của bà.

* Tại bản tự khai ngày 13/7/2017 của ông Nguyễn Văn L, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông L trình bày:

Vào năm 2001, ông L và bà Trần Thị Kim N, ông Nguyễn Văn H và ông B thống nhất hùn tiền để làm đường nước phục vụ sản xuất. Đến năm 2010, ông B và bà N lấy đất đổ lên thân cống (là nền đất hiện nay), nhà của bà N lúc trước tại vị trí mà bà N cho là có phần đất do cống làm trôi nên vị trí này bà N không có đổ đất được, do đó bà N yêu cầu ông bồi thường do cống làm lở là không đúng.

Nay bà N yêu cầu ông và ông H di dời đường nước, máy móc và toàn bộ đồ vật ra khỏi phần đất nhà ở để trả lại cho bà N diện tích là 09m^2 và yêu cầu ông và ông H liên đới bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do ông L và ông H chạy nước làm đất bị sạt lở, ông L có ý kiến như sau: Ông L tự nguyện thống nhất sẽ di dời toàn bộ máy móc, trụ bơm nước ra khỏi phần đất bà N, còn đường ống nhựa và ống bê tông thì ông và ông H tự nguyện không sử dụng nữa, trả phần đất lại cho bà N sử dụng. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng của bà N do đường nước ông L và ông H chạy sạt lở nền nhà của bà N, ông L không đồng ý, vì vị trí có căn nhà bà N nên bà N không đổ đất tới đó.

* Tại bản tự khai ngày 13/7/2017 của ông Nguyễn Văn H, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông H trình bày:

Ông H thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn L. Ông H tự nguyện di dời toàn bộ máy móc, trụ bơm nước ra khỏi phần đất bà N, còn đường ống nhựa và ống bê tông ông H tự nguyện không sử dụng nữa, trả phần đất lại cho bà N sử dụng. Riêng bà N yêu cầu ông H và ông L liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng do đường nước của ông H chạy sạt lở nền nhà của bà, ông H không đồng ý, vì vị trí có căn nhà bà N nên bà N không đổ đất tới đó.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 16/2017/DS – ST, ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Kim N. Buộc ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H liên đới bồi thường cho bà Trần Thị Kim N số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án do bà Trần Thị Kim N tự nguyệt rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

- *Về án phí*:

+ Bà Trần Thị Kim N phải nộp 350.000đ (Ba trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 250.000đ theo biên lai số 034726 ngày 06/6/2017 và 1.350.000đ theo biên lai số 034727 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H. Bà N được nhận lại số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm chục ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H liên đới nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về chi phí tố tụng*: Tổng cộng số tiền là 500.000đ. Bà Trần Thị Kim N chịu 300.000đ, ông L, ông H liên đới chịu 200.000đ, nhưng do bà N đã tạm ứng và đã chi xong, nên ông L và ông H có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 200.000đ để trả lại cho bà N theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2017, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn L là bị đơn của vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông H và ông L không thống nhất bồi thường cho bà Trần Thị Kim N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và ông L đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Bà N không đồng ý việc ông H và ông L chỉ bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Theo tờ cam kết ngày 15/3/2017, ông L đã cam kết là ông và ông H sẽ khắc phục toàn bộ phần đất nền nhà của bà N bị sạt lở do ông và ông H chạy đường nước gây ra. Như vậy, ông L và ông H thừa nhận đường nước của hai

ông có gây thiệt hại làm sạc lở đến nền nhà của bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L và ông H cho rằng bà N yêu cầu bồi thường nhiều hơn so với thiệt hại xảy ra nên hai ông không đồng ý.

Xét thấy, bà N đổ đất cả nền nhà của bà với tổng diện tích khoảng 193,2m^2 tương đương 100 xe đất. Phần đất sạt lở diện tích là 32,4m^2 tương đương khoảng 30 xe đất. Ông H và ông L cho rằng, phần sạc lở đất khối lượng khoảng 10 xe đất, tương đương 30 mét khối đất, thành tiền khoảng 2.000.000 đồng là không phù hợp so với mức độ thiệt hại.

[2] Căn cứ vào việc xem xét, thẩm định thực tế thì diện tích đất bị sạt lở là 32,4m^2 đổ khoảng 30 xe đất, tương đương số tiền 3.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Trần Thị Kim N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là thiệt hại do đường nước của ông L và ông H gây ra là phù hợp.

Ông L và ông H kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác để chứng M cho yêu cầu của hai ông mà chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền là 2.000.000 đồng là không phù hợp.

[3] Từ những nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn L không thống nhất bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Kim N số tiền 3.000.000 đồng là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H và ông L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 300 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 166, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã H.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Kim N.

- Buộc ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Kim N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Đình chỉ giải quyết một phần vụ án do bà Trần Thị Kim N tự nguyệt rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà N, nếu ông H và ông L chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền sẽ được tính lãi theo mức lãi suất bằng 50% của mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Trần Thị Kim N phải chịu 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 034726 ngày 06/6/2017 và số tiền 1.350.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 034727 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H. Như vậy, bà N được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về chi phí tố tụng*: Chi phí định giá tài sản tổng cộng là 500.000 đồng. Bà Trần Thị Kim N chịu 300.000 đồng; Ông L và ông H liên đới chịu 200.000 đồng. Số tiền 500.000 đồng, bà N đã tạm ứng và đã chi xong, nên ông L và ông H có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà N số tiền 200.000 đồng theo quy định.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14064, ngày 20/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14065, ngày 20/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sỹ Danh Đạt – Nguyễn Thị Vĩnh **Phạm Thị Liên Hiệp**

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND TX.H;
- Chi cục THADS TX.H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Liên Hiệp